

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP L (L1); Địa chỉ trụ sở: L2, số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện cho Ngân hàng TMCP L: ông Nguyễn Minh T - Quyền Giám đốc Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh B là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 580/2025/QĐ - HĐQT ngày 05/3/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP L.

Ông Nguyễn Minh T ủy quyền cho: ông Nguyễn Minh N, sinh năm: 1989, ông Dương Lê M, sinh năm: 1995; cùng địa chỉ: ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long; bà Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm: 1991; địa chỉ: C Đại lộ Đ, phường A, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2025).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1971 và bà Phan Thị P1, sinh năm: 1973; địa chỉ: 7 ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Minh T1, sinh năm: 1980 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1978; địa chỉ: 2 ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Nguyễn Tấn P, bà Phan Thị P1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị D): Ông Trần Minh T1, sinh năm: 1980; địa chỉ: 2 ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2026).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Ông Nguyễn Tấn P, bà Phan Thị P1 tự nguyện đồng ý trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP L (theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD22A2023668 ngày 29/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023668/01 ngày 29/12/2023) với tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/3/2026 là 2.534.060.772đồng. Trong đó bao gồm:

- + Nợ gốc: 1.819.999.997đồng.
- + Nợ lãi trong hạn: 227.544.298đồng.
- + Lãi nợ gốc quá hạn: 458.026.684đồng,
- + Nợ lãi chậm trả: 28.489.793đồng.

- Ông Nguyễn Tấn P và bà Phan Thị P1 tự nguyện đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 24/3/2026 (theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD22A2023668 ngày 29/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023668/01 ngày 29/12/2023) được ký kết giữa ông P, bà P1 với Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh B - Phòng G đối với số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

- Trường hợp ông Nguyễn Tấn P và bà Phan Thị P1 không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD22A2023668 ngày 29/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023668/01 ngày 29/12/2023 đã ký thì ông P, bà P1 đồng ý để cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp HĐTC22A2022130 ngày 26/04/2022 để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản thế chấp là đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số: 431, tờ bản đồ số 31, tọa lạc xã C, tỉnh Vĩnh Long (hiện do ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị D đang quản lý sử dụng).

(Có họa đồ thửa đất kèm theo).

- Ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị D tự nguyện đồng ý để cho Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản hoặc được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản của ông T1, bà D đã xây dựng trên thửa đất số: 431, tờ bản đồ số 31, tọa lạc xã C, tỉnh Vĩnh Long (Nhà chính có kết cấu móng đơn, bê tông cốt thép, khung bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic, tường xây gạch, mái lợp tole tráng kẽm; nhà phụ có kết cấu cột bê tông cốt thép, khung thép hình tiền chế, xà gồ thép hình, mái lợp tole tráng kẽm, nền bê tông đá 1x2cm) theo hợp đồng thế chấp HĐTC22A2022130 ngày 26/04/2022 do ông Nguyễn Tấn P, bà Phan Thị P2 đã ký kết với Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh B - Phòng G để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

2.2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng TMCP L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 38.477.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007832 ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Nguyễn Tấn P và bà Phan Thị P1 tự nguyện đồng ý liên đới nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 41.340.000đồng.

2.3/ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tấn P và bà Phan Thị P1 tự nguyện đồng ý liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP L toàn bộ chi phí tố tụng là 4.247.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD, KTr, TT& THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyên